

Số: 70/2021/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và
chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực
không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 04**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của
Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc xem xét ban hành Nghị quyết Quy định khu vực
không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra
khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo
thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

Những khu vực nội thành của thành phố, thị trấn không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường).

Điều 2. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Đối tượng hỗ trợ: Chủ các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này khi thực hiện tháo dỡ, di dời hoặc dừng hoạt động chăn nuôi.

2. Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác nằm trong danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; có chuồng nuôi nhốt đã được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành; đã thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi; thực hiện tháo dỡ, di dời hoặc dừng hoạt động chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

b) Có diện tích chuồng nuôi từ 50m² trở lên.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ các cơ sở tháo dỡ và di dời đối với chuồng kiên cố: Mức hỗ trợ 79.900 đồng/m², nhưng không quá 79.900.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng*) cho một cơ sở chăn nuôi.

- Hỗ trợ các cơ sở tháo dỡ và di dời đối với chuồng tạm: Mức hỗ trợ 34.500 đồng/m², nhưng không quá 34.500.000 đồng (*Ba mươi tư triệu, năm trăm ngàn đồng*) cho một cơ sở chăn nuôi.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần các cơ sở chăn nuôi thực hiện tháo dỡ, di dời hoặc dừng hoạt động chăn nuôi.

5. Nguyên tắc hỗ trợ

Ngoài các nội dung chính sách quy định tại Khoản 3, Điều 2 Nghị quyết này, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và tỉnh theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ và di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc dừng hoạt động chăn nuôi.

Các cơ sở chăn nuôi thực hiện tháo dỡ, di dời hoặc dừng chăn nuôi từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ.

6. Nội dung chuyển tiếp

a) Các cơ sở chăn nuôi đang hiện hữu phải thực hiện di dời hoặc dừng chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

b) Nghiêm cấm việc xây dựng mới các cơ sở chăn nuôi, chuồng trại trong các khu vực không được phép chăn nuôi sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Kinh phí thực hiện: Ngân sách cấp huyện.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- LĐ + CV các phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND (M);

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

PHỤ LỤC

Khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hoà Bình
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12
năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

STT	Khu vực không được phép chăn nuôi	Ghi chú
I	Thành phố Hòa Bình	
1	Phường Tân Hòa: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5.	
2	Phường Dân Chủ: Tổ dân phố 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14.	
3	Phường Đồng Tiến: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.	
4	Phường Phương Lâm: Tổ dân phố 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18.	
5	Phường Hữu Nghị: Tổ dân phố 9, 11, 13.	
6	Phường Tân Thịnh: Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 18, 19.	
7	Phường Thái Bình: Tổ dân phố 1.	
8	Phường Thịnh Lang: Tổ dân phố 3, 6.	
9	Phường Thống Nhất: Tổ dân phố 1, 2, 3.	
10	Phường Quỳnh Lâm: Tổ dân phố 4, 5, 6, 7, 8, 9.	
11	Phường Trung Minh: Tổ dân phố Tân Lập I, Tân lập II, Ngọc 1, Ngọc 2.	
12	Phường Kỳ Sơn: Tổ dân phố 1, 2, 3.	
II	Huyện Đà Bắc	
	Thị trấn Đà Bắc: Tiểu khu Thạch Lý, Liên Phương, Bờ, Đoàn Kết, Mố La, Mu, Công, Lâm Lý, Tày Mãng, Hương Lý, Kim Lý.	
III	Huyện Cao Phong	
	Thị trấn Cao Phong: Khu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.	
IV	Huyện Kim Bôi	
	Thị trấn Bo: Khu Thống Nhất, Đoàn Kết, Thành Công, Đồng Tiến, Hoa Lư, Thái Bình, Bo.	
V	Huyện Lạc Sơn	
	Thị trấn Vụ Bản: Phố Mường Vôi, Beo, Chiềng Trào, Cả, Cháy, Mường Cháy, Côm, Lốc Mới, Nghĩa Dân, Độc Lập, Hữu Nghị, Tân Giang, Thống Nhất.	
VI	Huyện Lạc Thủy	
1	Thị trấn Chi Nê: Khu 1, 2, 3, 7, 8, 9, 10, Khu Chéo Vòng.	
2	Thị trấn Ba Hàng Đồi: Khu Đồng Tâm, Đoàn Kết, Thắng Lợi, Đồi, Quyết Tiến.	
VII	Huyện Lương Sơn	

	Thị trấn Lương Sơn: Tiểu khu 2, 3, 4, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, tiểu khu Liên Sơn, xóm Mông, xóm Mỏ, xóm Đồng Bái.	
VIII	Huyện Mai Châu	
	Thị trấn Mai Châu: Tiểu khu 1, 2, 3, 4, tổ dân phố Vãng, Chiềng Sại, Văn, Poom Cọng	
IX	Huyện Tân Lạc	
	Thị trấn Mãn Đức: Khu Minh Khai, Tân Thịnh, Chiềng Khén, Tâm Đức, Tân Hợp, Tân Hòa, An Thịnh, Bình Minh, Yên Bình, Đoàn Kết, Mường Khang, An Khang, Mường Cọng, Đồng Văn, Đồng Tiến, Văn Đại, Mường Vui, Mường Phoi, Mường Đàm, Mường Định, Thanh Bình, An Phương, Hồng Dương, Tân Phong, Thanh Định, Ban Rừng, Đồng Khi.	
X	Huyện Yên Thủy	
	Thị trấn Hàng Trạm: Khu phố Thống Nhất, Thanh Bình, Thắng Lợi, Yên Bình, Tân Bình, An Bình, Hàng Trạm, Yên Phong, Tân Khánh, Khang Chóng, Tân Thành, Yên Hòa, Tây Bắc, Cả, Yên Sơn, Lạc Vượng và Đông Yên.	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH